

Bản án số: 33/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 10 - 9 - 2021.

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Thanh Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Phụng.

2. Ông Võ Thanh Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lâm Hoàng Nha - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 40/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc “ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp 5, thị trấn L, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt),

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Ấp 3, thị trấn L, huyện Long P, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 16/12/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh T trình bày:

Vào năm 2008, ông và bà L có kết hôn với nhau, kết hôn trên cơ sở do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long P vào ngày 02/7/2008. Chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến trong cuộc sống hàng ngày, vợ chồng thường xuyên cãi vã, đời sống vợ chồng không hạnh phúc và đã sống ly thân từ tháng 07/2020 cho đến nay. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thanh L.

Trong thời gian chung sống ông và bà L có hai người con tên Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011. Hiện nay hai cháu đang sống với bà L. Ông đồng ý giao hai con chung cho bà L được trực tiếp nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con.

Trong quá trình chung sống ông và bà L không có tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Theo biên bản lấy lời khai ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Long Phú bị đơn bà Nguyễn Thanh L trình bày:*

Về thời gian, thủ tục kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung giống như lời trình bày của nguyên đơn. Nay trước yêu cầu của ông T, bà có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Bà không đồng ý ly hôn vì còn thương chồng, thương con.

Về con chung: Nếu như ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung tên Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011 không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh T

+ Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011 cho bà Nguyễn Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng và ông T không cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thanh L xác định trong thời gian chung sống ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thanh L không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thanh L mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thanh L.

[2] Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thanh L có đăng ký kết hôn vào ngày 02/7/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Long Phú. Hôn nhân của ông, bà tuân thủ các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thanh L là hợp pháp.

Ông Nguyễn Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án xin được ly hôn với bà Nguyễn Thanh L. Xét yêu cầu của ông Nguyễn Minh T Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng về những sinh hoạt trong cuộc sống. Từ khi nguyên đơn chính thức yêu cầu xin ly hôn cho đến nay, Tòa án đã gửi thông báo về việc thụ lý cho bà Nguyễn Thanh L và giữa ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thanh L từ khi sống ly thân vào tháng 07/2020 cho đến nay nhưng hai bên không tìm biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng và phù hợp với biên bản xác minh ngày 06/7/2021 về tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thanh L của Tòa án nhân dân huyện Long Phú. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh T, bà Nguyễn Thanh L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Nguyễn Thanh L.

[3] Về con chung: Tại phiên tòa ông Nguyễn Minh T đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011 cho bà Nguyễn Thanh L được trực tiếp nuôi dưỡng và bà Nguyễn Thanh L cũng yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu Thịnh, cháu Tiến đang sống với bà L và để ổn định cuộc sống, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu cũng theo nguyện vọng của cháu Thịnh, cháu Tiến được sống với mẹ. Căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T đồng ý giao con chung cho bà L là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011 là có căn cứ.

Ông T có quyền thăm nom cháu Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011 không ai được cản trở theo khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Nguyễn Thanh L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011 theo khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông T, bà L cho rằng trong thời gian chung sống ông T, bà L không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là có căn cứ.

[6]. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Bà Nguyễn Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81; khoản 3 Điều 82; khoản 2 Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Minh T và bà Nguyễn Thanh L được ly hôn.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thanh L được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011.

Ông Nguyễn Minh T có quyền thăm nom cháu Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011 không ai được cản trở

Bà Nguyễn Thanh L cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Nguyễn Minh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Minh Triệu T, sinh ngày 12/11/2009 và Nguyễn Minh Triệu T1, sinh ngày 27/6/2011.

3. Ông Nguyễn Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Thanh L không yêu cầu.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không có và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số AA/2017/0008160 ngày 03/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Nguyễn Minh T đã nộp xong tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thanh L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự sơ thẩm.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Long Phú;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn L;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

DƯƠNG THỊ THANH HOA